

xí nghiệp, Tđong Công ty quyết định tùy theo yêu cầu và khả năng cụ thể của từng đơn vị xí nghiệp.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Căn cứ vào nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao cho ngành chủ quản, ngay từ cuối năm trước hoặc đầu năm kế hoạch, các cơ quan chủ quản cấp trên phải giao kế hoạch tài chính cho các đơn vị cơ sở trực thuộc, trong đó có kế hoạch phân phổi lợi nhuận. Các cơ quan chủ quản cấp trên phải giao kế hoạch lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước cho các xí nghiệp trực thuộc mình, không được thấp hơn kế hoạch Nhà nước giao và phải chịu trách nhiệm về hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận cho Nhà nước. Trường hợp nếu giao kế hoạch thấp hơn thì cứ mỗi phần trăm giao hụt kế hoạch bị phạt trừ 2% tổng số quỹ Bộ trưởng (hoặc quỹ Tđong giám đốc Tđong công ty, Liên hiệp xí nghiệp) được trích trong năm. Số bị phạt trừ này phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Các đơn vị cơ sở phải đăng ký kế hoạch trích lập 3 quỹ có phân bô ra từng quỹ với cơ quan tài chính cùng cấp và ngân hàng địa phương và được trích hàng quý như quy định ở mục II Thông tư này.

3. Khi duyệt quyết toán chính thức hàng năm cho đơn vị cơ sở, cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cấp trên với sự tham gia của cán bộ chuyên quản tài chính xí nghiệp tại địa phương duyệt số lợi nhuận chính thức để lại xí nghiệp trích lập 3 quỹ và các nhu cầu khác như quy định ở điểm 2, mục II Thông tư này và xác định số lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước. Nếu xí nghiệp sử dụng quá số lợi

nhuận đề lại được duyệt, thì phải trừ vào số trích của năm sau và ngược lại nếu thiếu được trích thêm.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-7-1986 và được áp dụng cho việc phân phổi lợi nhuận cả năm 1986 của các xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh Trung ương và địa phương thuộc tất cả các ngành kinh tế. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng
HỒ TẾ

BỘ THỦY SẢN

THÔNG TƯ của Bộ Thủy sản số
4-TS/TT ngày 23-10-1986 hướng
dẫn thực hiện Quyết định
của Chủ tịch Hội đồng Bộ
trưởng số 151-CT ngày 21-6-1986
về tổ chức lại sản xuất nghề
cá trên các ngư trường.

Để tổ chức thực hiện Quyết định số 151-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 21-6-1986 về tổ chức lại sản xuất nghề cá trên các ngư trường; trong Thông tư này Bộ Thủy sản hướng dẫn mục 1 và 3 của Quyết định. Các phần nội dung về an ninh vùng biển, mạng lưới thông tin bảo vệ nguồn lợi... Bộ Thủy sản sẽ cùng với các ngành có liên quan ra thông tư hướng dẫn sau.

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.

I. PHÂN BỐ CÁC NGƯ TRƯỜNG

Từ những đặc điểm tự nhiên, nguồn lợi, tập quán sản xuất và phân bố lực lượng sản xuất, biển Việt Nam phân ra 4 vùng là vùng biển vịnh Bắc bộ, vùng biển Trung bộ, vùng biển đông tây Nam bộ và vùng biển khơi.

1. Vùng biển vịnh Bắc bộ. Giới hạn từ vĩ tuyến $21^{\circ}30'N$ đến $17^{\circ}00'N$, phía đông giới hạn bởi đường bao ngoài vùng đặc quyền kinh tế của nước ta. Vùng biển vịnh Bắc bộ có các ngư trường là Cát Bà — Đồ Sơn, Long Châu, Thượng Hạ Mai, Bạch Long Vĩ, hòn Mê — hòn Mắt, hòn Giá. Ngư trường chính là Bạch Long Vĩ và hòn Mê — hòn Mắt.

2. Vùng biển miền Trung. Giới hạn từ vĩ độ $17^{\circ}00'N$ — $10^{\circ}40'N$, về phía đông giới hạn bởi đường đẳng sâu 200m. Vùng biển miền Trung có các ngư trường phía đông các tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh và Thuận Hải. Ngư trường chính là Thuận Hải.

3. Vùng biển đông và tây các tỉnh Nam bộ: Giới hạn từ vĩ độ $10^{\circ}40'N$ trở xuống, về phía đông giới hạn bởi đường đẳng sâu 50m, về phía tây giới hạn bởi đường bao ngoài vùng đặc quyền kinh tế của nước ta. Trong vùng biển này có các ngư trường là Vũng Tàu — Côn Đảo, Cù lao Thu, Hòn Khoai, Phú Quốc, Thủ Chu... Ngư trường chính là Vũng Tàu — Côn Đảo, Hòn Khoai và Phú Quốc.

4. Vùng biển khơi là vùng biển sâu, nằm phía ngoài các giới hạn quy định của các vùng biển trên.

II. PHÂN TUYẾN SẢN XUẤT

Trên cơ sở cơ cấu nghề nghiệp, khả năng hoạt động của tàu thuyền và tập quán sản xuất; các ngư trường hiện đang

khai thác chia làm 3 tuyến là tuyến bờ, tuyến lộng và tuyến khơi.

1. Tuyến bờ: Giới hạn từ bờ đến độ sâu $\leq 10m$. Ở vùng biển có độ dốc lớn hơn 30° , tuyến bờ được quy định cách bờ ít nhất là 5 kilômét.

2. Tuyến lộng: Giới hạn từ độ sâu 10 — 30m. Vùng biển có độ dốc lớn hơn 30° , tuyến lộng cách bờ từ 6 đến 15 kilômét.

3. Tuyến khơi: Giới hạn từ độ sâu 30m trở lên. Vùng biển có độ dốc lớn hơn 30° , tuyến khơi có khoảng cách xa bờ ít nhất là 16 kilômét.

B. NỘI DUNG TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TRÊN CÁC NGƯ TRƯỜNG

I. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA, DỰ BÁO NGƯ TRƯỜNG

1. Tổ chức điều tra.

Ở vùng biển gần địa phương mình, Sở Thủy sản cần phối hợp với các viện nghiên cứu để điều tra các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế, phục vụ nội địa và xuất khẩu, nhằm bổ sung mức độ chính xác và làm phong phú thêm tài liệu đã có. Đồng thời, kết hợp với tàu thuyền sản xuất, khôi phục lại chế độ điều tra, khảo sát để xác định chính xác các bãi tôm, cá và sự biến động của chúng.

Giao cho Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng hàng năm lập kế hoạch hướng dẫn phối hợp tiếp tục nghiên cứu, điều tra nguồn lợi thủy sản.

Dưới sự hướng dẫn của Bộ Thủy sản và sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Thủy sản các huyện ven biển phải tổ chức điều tra vùng eo, vịnh, cửa lạch, đầm phá, bãi ngang ven biển để lập quy hoạch, kế hoạch tận dụng mặt nước, đắp đập nuôi tôm, trồng rong câu phục vụ xuất khẩu.

2. Công tác dự báo ngư trường.

Vào trung tuần hàng tháng Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng có nhiệm vụ dự

báo cho tháng sau về khu vực phân bố, mức khai thác, khả năng xuất hiện các đối tượng đánh bắt trên các vùng biển và trên các ngư trường chính. Các Sở Thủy sản, các quốc doanh khai thác hải sản, cảng cứ vào dự báo chung, kết hợp với điều tra và kết quả sản xuất thực tế, đề tờ chức dự báo trên các ngư trường của địa phương mình.

Ngoài dự báo hàng tháng, Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng có nhiệm vụ tiến hành dự báo dài hạn từ 3 đến 6 tháng về xu thế phân bố, biến động, mật độ khai thác... các đối tượng đánh bắt chủ yếu ở các vùng biển, nhất là trên các ngư trường chính.

3. Khôi phục, duy trì chế độ báo cáo định kỳ sản xuất và ngư trường.

Cùng với báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng tháng; Sở Thủy sản, các đơn vị trực thuộc Bộ có nhiệm vụ thường xuyên báo cáo Bộ về diễn biến của các đối tượng đánh bắt ở địa phương, đơn vị mình; những nguyên nhân tác động đến diễn biến ngư trường, nguồn lợi...

Vụ khai thác bảo vệ Bộ Thủy sản có trách nhiệm đôn đốc nhắc nhở các Sở Thủy sản, các đơn vị báo cáo theo định kỳ. Đồng thời, cùng với Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng tập hợp, xử lý các số liệu để thông báo nhanh tình hình ngư trường đến các địa phương và giúp cho việc dự báo ngư trường chính xác hơn.

II. SAP XẾP LỰC LƯỢNG NUÔI TRỒNG KHAI THÁC HẢI SẢN

1. Nuôi trồng thủy sản: Việc nuôi trồng ở những vùng nước mặn lợ cần phải nhanh chóng phát triển để tăng sản phẩm tiêu thụ nội địa và tăng nguồn

cung cấp nguyên liệu (tôm, rong câu, và các đặc sản khác cho xuất khẩu). Phát triển nuôi trồng mặn, lợ phải tiến hành trong mối liên kết nông-lâm-ngư; lấy huyện làm địa bàn chính; dân làm, hợp tác xã làm là chính. Với những mặt nước nằm gọn trong đơn vị thì thành lập tờ, đội chuyên nuôi tôm, cá... kết hợp với trồng cây, gác rừng... Những mặt nước phân tán cạnh các gia đình thì khoán gọn cho từng gia đình. Trên cơ sở đó, sử dụng hết tiềm năng mặt nước và lao động, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật làm chuyền biến mạnh mẽ về nuôi trồng vùng nước lợ ven biển.

2. Khai thác hải sản.

a) Đối với quốc doanh khai thác hải sản, nhanh chóng củng cố, kiện toàn tổ chức để làm tốt vai trò chủ đạo của quốc doanh đối với nghề cá:

— Sắp xếp lại đội tàu khai thác ~~hiện~~ có. Những tàu không còn khả năng đánh bắt, chuyền sang làm hậu cần dịch vụ, vận tải sản phẩm thủy sản trên biển. Những tàu sức kéo giảm, chuyền sang các nghề đánh cá nồi hoặc kéo tôm...

— Xây dựng cơ cấu nghề nghiệp hợp lý để bảo đảm khai thác tốt trên tuyến lông, tuyến khơi. Đẩy mạnh việc làm kiêm nghề để khai thác cả cá đáy lẫn cá nồi và đặc sản.

— Làm nòng cốt trong việc chỉ huy, chỉ đạo khai thác, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

— Các xí nghiệp khai thác hải sản của Trung ương, địa phương thông qua hình thức liên doanh, liên kết để sử dụng, bố trí hợp lý đội tàu của mình, vừa làm nhiệm vụ khai thác, vừa làm hậu cần dịch vụ cho lực lượng ngư dân tại chỗ, một phần cho ngư dân các nơi khác di chuyển theo mùa vụ để thu gom sản phẩm.

b) Nghề cá nhân dân hiện nay và trong những năm tới vẫn chiếm vị trí quan

trọng trong sản xuất nghề cá. Vì thế, đòi hỏi phải nhanh chóng tổ chức lại sản xuất, trước mắt trên những ngư trường chính nhằm tăng dần sản lượng đánh bắt hàng năm. Tổ chức lại sản xuất nghề cá nhân dân bao gồm những vấn đề chủ yếu sau:

— Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới nhằm bảo đảm cho nghề cá phát triển vững chắc trên cơ sở tăng sản lượng đánh bắt, tăng tích lũy và tăng thu nhập cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới, cần chỉ đạo tốt các nội dung về hình thức và bước đi của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; quy mô tổ chức thích hợp. Đồng thời, xác định phương hướng sản xuất và cơ cấu nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi, tập quán của địa phương. Ngoài ra, ở mỗi hợp tác xã, tập đoàn sản xuất cần kiện toàn lại lực lượng đánh bắt, hậu cần dịch vụ của mình để có kế hoạch, tổ chức, đăng ký lực lượng di chuyển sản xuất theo mùa vụ trên các ngư trường hàng năm, theo hướng dẫn của Bộ Thủy sản và Sở Thủy sản.

— Đè khắc phục tình trạng cơ cấu nghề nghiệp chưa hợp lý, các địa phương cần xây dựng cơ cấu nghề nghiệp mới theo phương hướng sau:

Vùng biển vịnh Bắc bộ, giảm dần số lượng nghề vó ánh sáng từ 600 — 700 vàng hiện nay xuống còn khoảng 300 — 350 vàng trong những năm tới. Phục hồi và phát triển nghề rẽ-thu, câu vàng, kéo cá thủ công và kéo tôm...

Vùng biển Trung bộ, giảm dần các nghề lưới cao, quát, rùng, xăm bái là các nghề khai thác cá con, năng suất thấp vùng ven bờ. Tăng cường phát triển các nghề khai thác vùng xa bờ như rẽ chuồn, cán khơi, lưới vây-rút-chì và nghề câu vàng...

Vùng biển đông và tây Nam bộ, tăng cường đầu tư nghề lưới kéo cá ở vùng biển có độ sâu ngoài 30m nước. Phục hồi nghề vây cá corm, du nhập với số lượng

hợp lý nghề pha xúc phục vụ cho sản xuất nước mắm xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Phát triển có mức độ các nghề kết hợp ánh sáng như vây, vó, mành...

— Cả 3 vùng biển cần coi trọng việc tổ chức kiêm nghề hợp lý giữa các mùa vụ, hoặc kiêm 1 hay 2 nghề trong cùng thời điểm trên 1 đơn vị nghề.

— Cơ cấu đội tàu, khai thác: sử dụng hợp lý đội tàu đánh bắt hiện có cho từng vùng biển. Bảo đảm khai thác trên 3 tuyến và di chuyển lực lượng đánh bắt theo mùa vụ.

Đối với tuyến bờ, tuyến lồng chủ yếu sử dụng tàu thuyền có công suất từ 33 cv trở xuống và thuyền, bè thủ công.

Tuyến khơi: loại 45 cv, 90 — 140 cv; đồng thời, hình thành đội tàu cỡ 250 — 400 — 600 — 1000 cv... tổ chức khai thác có hiệu quả vùng biển khơi.

Cùng với việc hình thành các đội tàu khai thác ở biển, ở mỗi địa phương cần chú ý thích đáng đội tàu có công suất nhỏ phục vụ nghề cá sông, vùng cửa sông, để giữ vững có mức độ sản lượng vùng ven bờ và trong sông.

Đè làm tốt công tác hậu cần dịch vụ cho nghề cá nhân dân, Bộ Thủy sản cùng với các ngành và các địa phương phát triển đội tàu hậu cần dịch vụ, thu gom sản phẩm trên các ngư trường chính. Ở mỗi địa phương cũng sẽ phát triển đội tàu dịch vụ, hậu cần, thu gom sản phẩm, bảo đảm cho lực lượng đánh bắt của địa phương mình. Trước mắt, huy động đội tàu của các quốc doanh đánh cá địa phương, Trung ương, công ty thủy sản Trung ương và địa phương mà chủ lực là xí nghiệp liên hợp thủy sản Hải Phòng.

— Phân bố nghề nghiệp theo tuyến sản xuất nhằm tránh việc đánh bắt chồng chéo giữa các loại nghề, bảo đảm năng suất khai thác lâu dài... việc phân bố nghề nghiệp được quy định như sau:

Tuyến bờ dành cho các nghề rùng, đáy, xăm, teriệp, kéo tôm, rẽ tôm, then 2 — 3,

đăng, nò... với cỡ tàu từ 4 — 16 cv, thuyền thủ công loại 2 — 13 tấn và bè, mảng.

Tuyến lồng dành cho các nghề mành đèn, mành chà, vây-rút-chì, kéo tôm, kéo cá, lưới rẽ... với cỡ tàu từ 12 — 33 cv và thuyền thủ công loại 7 — 30 tấn.

Tuyến khơi dành cho các nghề lưới cản khơi, vây-rút-chì, lưới chuồn, kéo cá, câu khơi... với cỡ tàu từ 45 cv trở lên.

Ngoài quy định trên, hàng năm tùy theo diễn biến nguồn lợi, Bộ Thủy sản, Ban chỉ đạo ngư trường chính có thể điều chỉnh nghề nghiệp, tăng giảm số lượng, cỡ loại tàu thuyền và sản lượng cho phép khai thác ở từng tuyến.

c) Tùy chung di chuyển lực lượng đánh bắt.

Ở mỗi ngư trường cụ thể và từng vùng biển chỉ cho phép khai thác sản lượng nhất định. Để bảo đảm năng suất đánh bắt và tái tạo nguồn lợi, nhất thiết phải có sự điều hòa lực lượng khai thác ở các vùng biển. Vì vậy, các xí nghiệp quốc doanh đánh cá Trung ương, địa phương, quân đội và các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có lực lượng di chuyển phải đăng ký kế hoạch di chuyển ngư trường của mình với Bộ Thủy sản vào tháng 10 hàng năm để bố trí kế hoạch đánh bắt cho năm sau (đăng ký cần nói rõ thời gian khai thác, số lượng tàu thuyền, nghề nghiệp, dự kiến sản lượng đánh bắt, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, khả năng hậu cần dịch vụ của địa phương, đơn vị và những yêu cầu hỗ trợ). Đơn vị nào không có đăng ký nhất thiết không được tùy chung lực lượng di chuyển để đánh bắt hải sản ở địa phương khác.

Trước khi di chuyển, lực lượng đánh bắt cần tiến hành những thủ tục và chuẩn bị sau đây:

— Các đơn vị di chuyển phải bảo đảm có đầy đủ giấy tờ theo quy định.

— Tàu thuyền phải bảo đảm an toàn và nghề nghiệp phù hợp với ngư trường dự kiến chuyển đến.

— Cử cán bộ có thẩm quyền liên hệ trước với Ban chỉ đạo ngư trường và các địa phương có ngư trường về các mặt quy chế liên kết, liên doanh, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với vùng biển, tiến hành hợp đồng kinh tế với địa phương có ngư trường, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của hai bên.

— Khi di chuyển và trong quá trình đánh bắt, ở mỗi địa phương, xí nghiệp tùy chung thành một đoàn. Đoàn có từ ba đơn vị đánh bắt trở lên phân thành các đội. Đội có thể phân theo nghề, theo cỡ loại tàu thuyền hoặc theo nhóm tàu thuyền để tiện việc theo dõi, quản lý và giúp đỡ nhau trong quá trình di chuyển.

— Các vùng giáp ranh giữa các tỉnh và trong nội tỉnh khai thác theo đàn cá không phải đăng ký, xin phép di chuyển tàu thuyền.

III. XÂY DỰNG BẾN CÁ, TÙ CHUNG HẬU CĂN, CUNG ỨNG VẬT TƯ THU MUA SẢN PHẨM

1. Xây dựng bến cá.

Hàng năm, Bộ Thủy sản phối hợp với các ngành và các địa phương khảo sát, lập luận chứng kinh tế để từng bước tiến hành đầu tư có trọng điểm, nâng cao khả năng thu nhận sản phẩm, hậu cần dịch vụ của các bến cá trên các ngư trường chính.

Đối với các bến cá ở địa phương, Sở Thủy sản tiến hành lập luận chứng kinh tế trình Ủy ban Nhân dân tỉnh để phê chuẩn kế hoạch đầu tư hàng năm, phục vụ cho tàu thuyền đánh cá của địa phương, đáp ứng yêu cầu của sản xuất phát triển, trên cơ sở quy hoạch của toàn ngành.

2. Tò chúc hậu cần, dịch vụ, cung ứng vật tư thu mua sản phẩm.

Ở các địa phương, xí nghiệp, nhất là trên các ngư trường chính, cần thống nhất khâu quản lý sản phẩm. Từ nguyên liệu khai thác được, có kế hoạch phân công, phân cấp để thu hút các mặt hàng xuất khẩu, nội địa... tập trung vào tay Nhà nước. Có các biện pháp cụ thể, kiên quyết trong việc lập lại trật tự, ngăn chặn tình trạng tranh mua, tranh bán nâng giá thị trường.

Về nguyên tắc, đơn vị cung ứng vật tư, hậu cần dịch vụ là đơn vị thu nhận sản phẩm.

Việc cung ứng vật tư, nhiên liệu cho tàu thuyền khai thác phải thực hiện theo định mức thống nhất của Bộ Thủy sản. Đồng thời, gắn chặt với thu mua sản phẩm hàng năm, và do hệ thống các Công ty thủy sản địa phương đảm nhiệm. Đối với Công ty thủy sản Trung ương, tò chúc thu mua theo chỉ tiêu kế hoạch do Bộ Thủy sản giao hàng năm:

— Sản phẩm xuất khẩu giao cho Công ty xuất khẩu thủy sản đảm nhiệm; trên biển giao cho Công ty chuyên doanh xuất khẩu thẳng trên biển. Trước mắt giao cho Công ty xuất khẩu thủy sản và xí nghiệp liên hợp thủy sản Hải Phòng làm thủ.

— Trừ địa phương, đơn vị có nhiệm vụ cung cấp cá tươi, còn sản phẩm cá tươi giao cho tò chúc chuyên doanh đảm nhiệm. Trước mắt giao cho xí nghiệp liên hợp thủy sản Hải Phòng.

— Sản phẩm qua chế biến tiêu thụ nội địa, một phần giao cho Công ty thủy sản Trung ương theo kế hoạch hàng năm, còn lại giao cho Công ty thủy sản địa phương.

— Đối với lực lượng di chuyển có mối quan hệ liên kết, liên doanh với nghề cá của từng vùng, sẽ thông qua Công ty dịch vụ của từng ngư trường để thu gom sản phẩm.

3. Ưu tiên phát triển nhanh hệ thống đông lạnh.

Việc phát triển hệ thống đông lạnh phải trên cơ sở quy hoạch chung toàn ngành thủy sản trong từng thời kỳ.

Trước mắt, ưu tiên đầu tư nhanh cơ sở sản xuất nước đá và các cụm đông lạnh có công suất nhỏ tại các vùng có sản phẩm lớn về xuất khẩu và cá tươi. Đồng thời, tăng thêm tầu vận tải lạnh, kho dự trữ hải sản phục vụ cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Các cụm đông lạnh có công suất lớn giao cho Công ty thủy sản Trung ương, Công ty xuất khẩu thủy sản lập kế hoạch khai sát, có luận chứng kinh tế, đề đầu tư xây dựng hàng năm.

4. Chế biến thủy sản.

Trước mắt nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Xây dựng kế hoạch từng bước đầu tư theo chiều sâu các thiết bị chế biến. Đẩy mạnh việc sản xuất đa dạng các mặt hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài. Đề sử dụng hết công suất thiết bị hiện có, cần tăng nhanh việc chế biến các mặt hàng khô như bột cá gia súc bột cá thực phẩm, cá khô và chế biến các loại mắm.

5. Tăng cường năng lực cơ khí.

Năng lực cơ khí sửa chữa, đóng mới tàu thuyền còn yếu, chưa bảo đảm được mức huy động tàu thuyền cao nhất trong thời vụ chính. Nhìn chung trong toàn quốc, số lượng tàu thuyền đóng mới chưa đủ bù sung cho số tàu thuyền đào thải hàng năm. Trước tình hình trên, cần nhanh chóng củng cố kiện toàn các cơ sở hiện có và đầu tư mua một số cơ sở cơ khí và tàu thuyền có năng lực phục vụ toàn ngành và cho từng khu vực.

Trong những năm tới Bộ Thủy sản sẽ phối hợp với các cơ quan và địa phương

xây dựng 2 cụm cơ khí lớn có nhiệm vụ sửa chữa, đóng mới, sản xuất phụ tùng, phụ kiện... ở phía Bắc và phía Nam, đáp ứng cho yêu cầu sản xuất ở những ngư trường chính và các đơn vị khai thác, vận tải quốc doanh.

Ở các địa phương chủ yếu tận dụng năng lực cơ khí của các cơ sở hiện có của hợp tác xã, tập đoàn và của gia đình để sửa chữa, đóng mới, sản xuất phụ tùng thay thế cho tàu thuyền địa phương.

Tiến hành việc tiêu chuẩn hóa cỡ loại tàu thuyền phù hợp với từng vùng biển và nghề nghiệp khai thác. Đồng thời, chỉ đạo chặt chẽ việc quản lý chất lượng đóng mới, sửa chữa, giá cả hợp lý... để tăng số lượng tàu thuyền đóng mới, sửa chữa hàng năm.

Giao cho Công ty cơ khí thủy sản vào cuối năm 1987 phải báo cáo Bộ thông qua đề án quy hoạch mạng lưới sửa chữa, đóng mới, sản xuất phụ tùng, phụ kiện và việc quản lý thống nhất về chất lượng sản phẩm toàn ngành.

Trước mắt giúp Bộ chỉ đạo củng cố, kiện toàn năng lực cơ khí sửa chữa hiện có để đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện nay.

6. Về giá:

Giá thu mua sản phẩm thủy sản, vật tư cung ứng theo hợp đồng hai chiều và giá mua sản phẩm xuất khẩu thủy sản thực hiện theo khung giá Nhà nước ban hành.

7. Lệ phí:

Tàu thuyền di chuyển đánh bắt ở ngư trường ngoài tỉnh đều có nghĩa vụ đóng lệ phí cho địa phương có ngư trường. Mục đích của việc đóng lệ phí nhằm chi phí cho các hoạt động về quản lý sản xuất, an ninh và các dịch vụ bến bãi... lệ phí được quy định như sau:

a) Đối với ngư trường ở các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang và Thuận Hải, lực lượng

di chuyển phải đóng lệ phí cho Sở Thủy sản các tỉnh trên là 1,5% giá trị sản lượng đánh bắt được.

b) Đối với các ngư trường khác, lực lượng di chuyển phải đóng lệ phí 0,5% giá trị sản lượng khai thác được.

c) Đối với các vùng biển, giáp ranh giữa các tỉnh và di chuyển lực lượng trong nội tỉnh không phải đóng lệ phí.

Lệ phí đóng bằng tiền Việt Nam. Giá trị sản phẩm tính theo khung giá quy định của Nhà nước tại địa phương có ngư trường (kè cả sản phẩm thủy sản xuất khẩu).

Việc đóng lệ phí có thể thu sau mỗi chuyến biển hoặc sau khi kết thúc sản xuất (sẽ có thông tư liên Bộ Thủy sản - Tài chính hướng dẫn riêng).

Ngoài lệ phí nói trên, lực lượng di chuyển không phải đóng thêm khoản lệ phí nào khác.

8. Kiểm tra xử lý:

Để giúp Ban chỉ đạo ngư trường và các tỉnh quản lý việc đánh bắt trên biển, ở mỗi địa phương cần tổ chức một tổ kiểm tra gồm đại diện bộ đội biên phòng, công an, thủy sản và do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập. Tổ kiểm tra có nhiệm vụ:

-- Theo dõi, kiểm tra tàu thuyền vi phạm nội quy, quy định trong quá trình di chuyển, khai thác ở vùng biển thuộc địa phương mình quản lý.

— Lập biên bản báo cáo lên Ban chỉ đạo ngư trường, Ủy ban Nhân dân tỉnh và đề xuất các hình thức khen thưởng và xử lý kỷ luật.

— Mọi phi tốn cho tổ kiểm tra do tỉnh thu lệ phí chi.

9. Ban chỉ đạo ngư trường.

Để chỉ đạo trên các ngư trường chính, Bộ Thủy sản ra quyết định thành lập ở

09653811

LanSinh +84-8-3845 6684 www.ThuVienNhanhLuat.com

mỗi ngư trường một ban chỉ đạo. Trưởng ban do Bộ Thủy sản bồi nhiệm, thành viên trong ban bao gồm những người có thẩm quyền do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh có ngư trường và tinh có lực lượng di chuyển cử và Bộ Thủy sản ra quyết định.

Riêng đối với ngư trường đông – tây Nam bộ là ngư trường lớn, lại có lực lượng di chuyển khai thác cả năm, Trưởng ban chỉ đạo ngư trường này sẽ do một Thứ trưởng Bộ Thủy sản đảm nhiệm và các địa phương có ngư trường và địa phương có lực lượng di chuyển, sẽ cử các đại diện có thẩm quyền của mình làm thành viên của ban.

Ban chỉ đạo ngư trường có chức năng, nhiệm vụ:

— Cùng với Ủy ban Nhân dân tỉnh tham gia việc quản lý Nhà nước trong vùng biển được phân công phụ trách.

— Chỉ đạo phối hợp, điều hòa, giải quyết mâu thuẫn trong quá trình sản xuất, nhằm bảo đảm thực hiện đúng chính sách của Nhà nước, lợi ích của người sản xuất

và của địa phương sở tại. Bảo đảm tốt việc thực hiện kế hoạch hàng năm; đồng thời, bảo đảm việc an ninh chính trị trong vùng biển.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 151-CT và Thông tư hướng dẫn này, các đơn vị trực thuộc Bộ, các địa phương cần tiến hành những việc sau đây:

1. Các vụ, viện, công ty, xí nghiệp trực thuộc Bộ theo chức năng của mình cần có kế hoạch cụ thể triển khai hướng dẫn đôn đốc và thường xuyên theo dõi, kiểm tra các đơn vị trong việc thi hành Quyết định và Thông tư hướng dẫn.

2. Các địa phương có trách nhiệm tổ chức phò biến quán triệt và có kế hoạch cụ thể triển khai Quyết định, Thông tư hướng dẫn ở địa phương mình.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thủy sản
Thứ trưởng
HUỲNH CÔNG HOÀ

99655411